

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Môi trường Sonadezi

Ngày 30/09/2025	10,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.5%	-5.3%	-6.9%

DT thuần Q3/25
83.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼76.7 -48.0%
YoY: ▼19.7 -19.2%

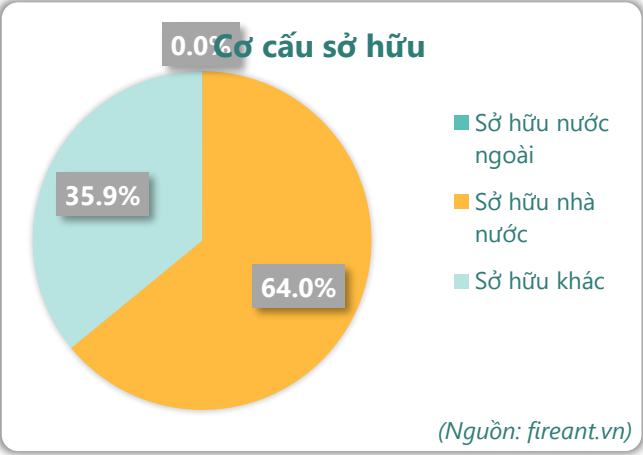
LN thuần Q3/25
-3.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.80 -163%
YoY: ▼10.7 -155%

LN sau thuế Q3/25
-1.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.45 -141%
YoY: ▼8.17 -130%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-4.1%
YoY: +/-▼ 8.2%

ROE (TTM) Q3/25
5.5%
YoY: +/-▼ 2.2%

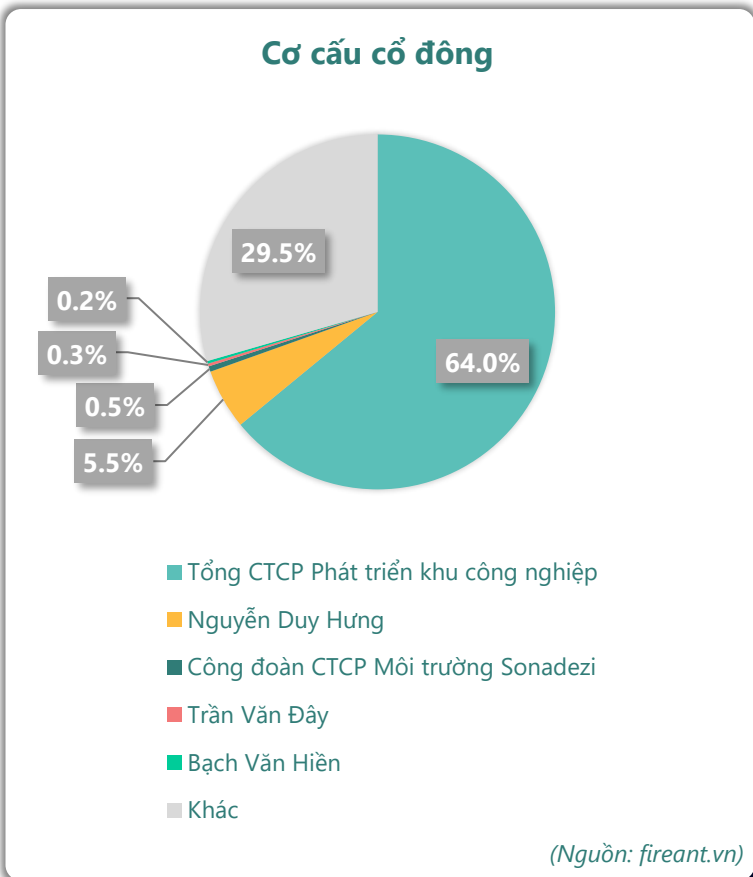
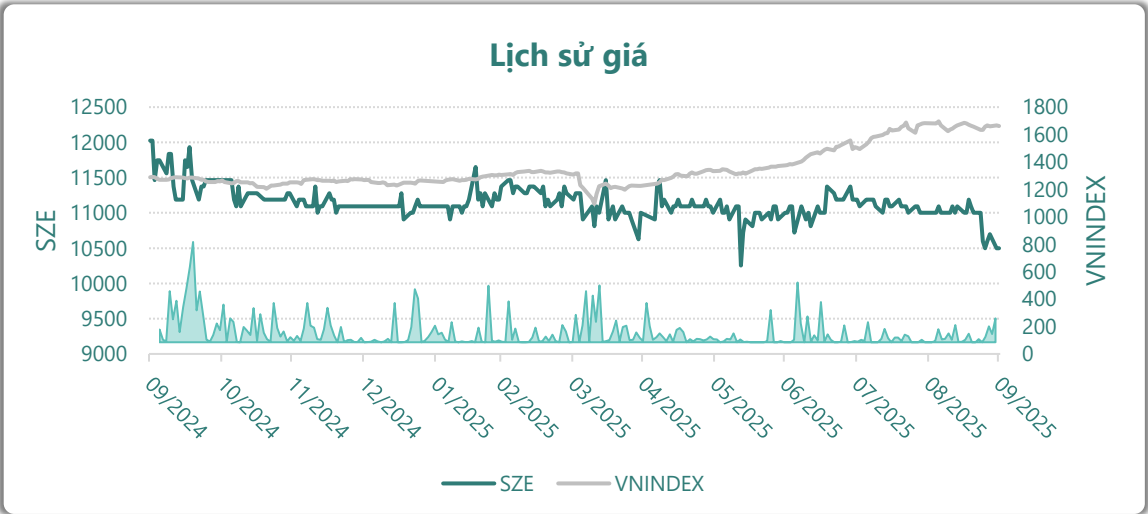
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,254 - 12,025
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	315
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,505
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.07
EPS	681
P/E	15.4



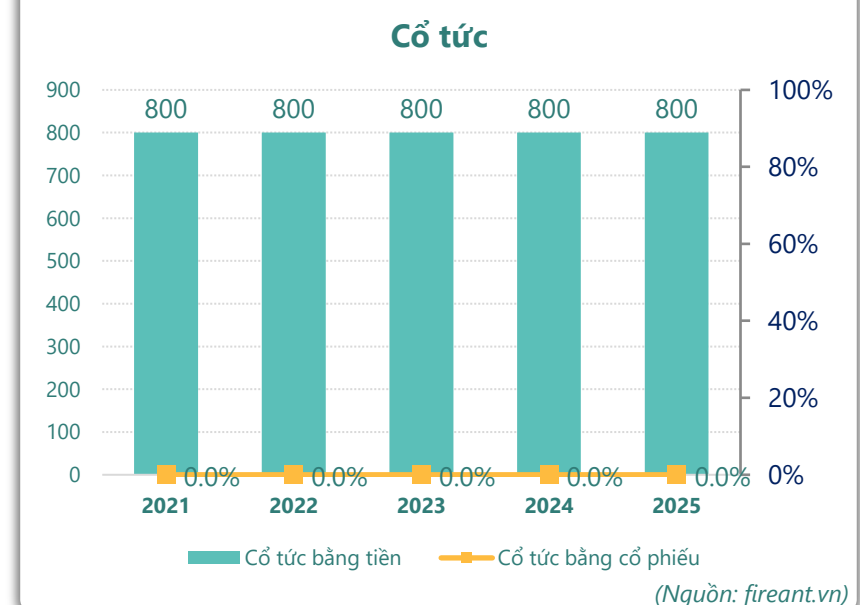
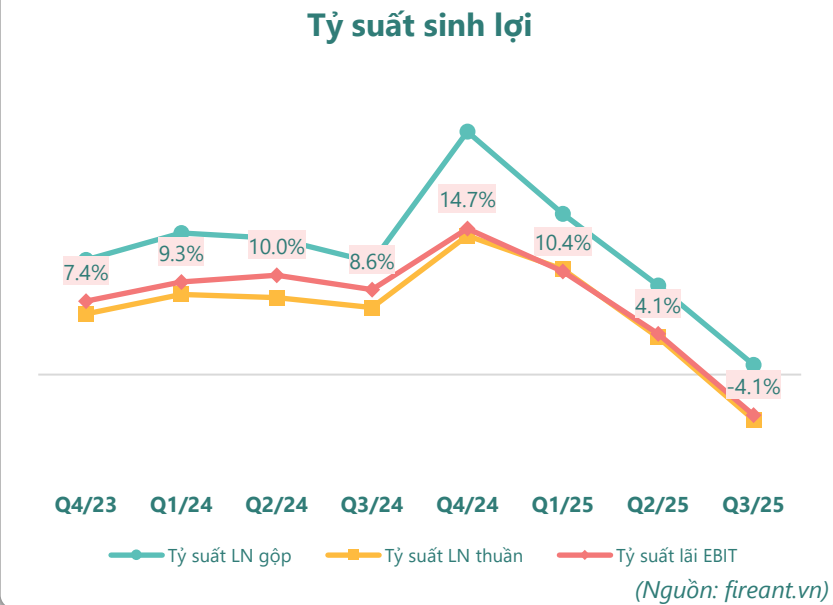
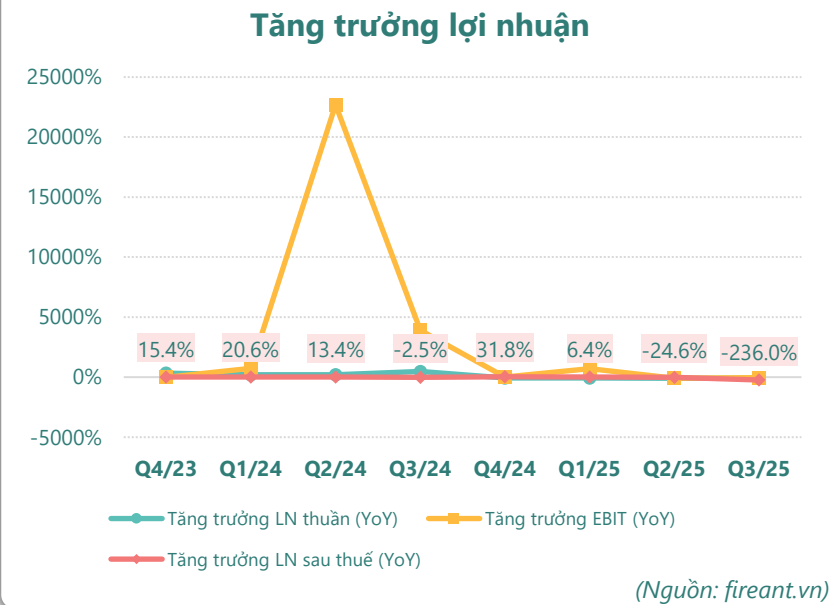
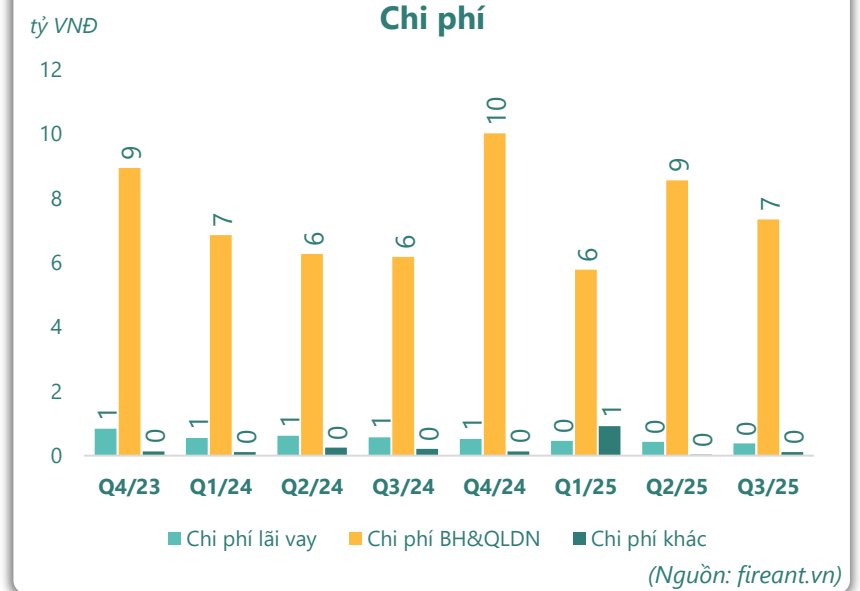
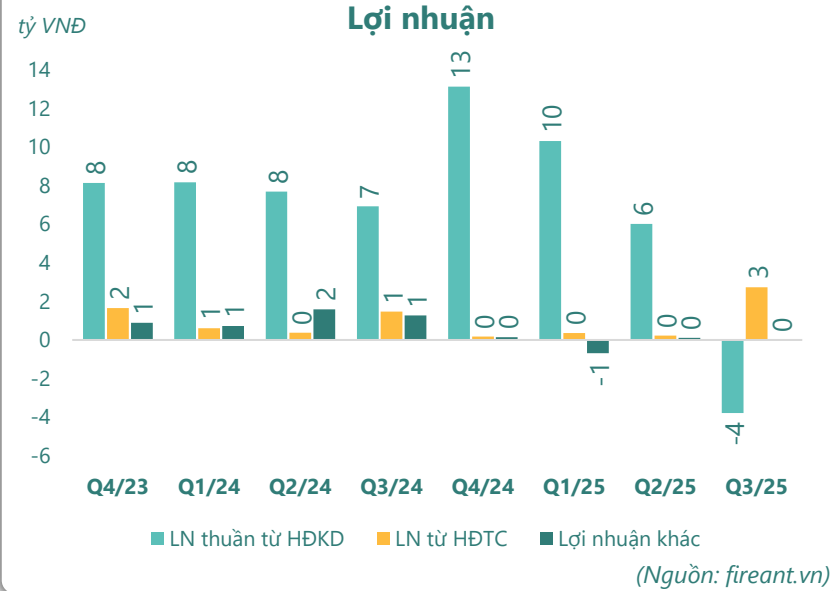
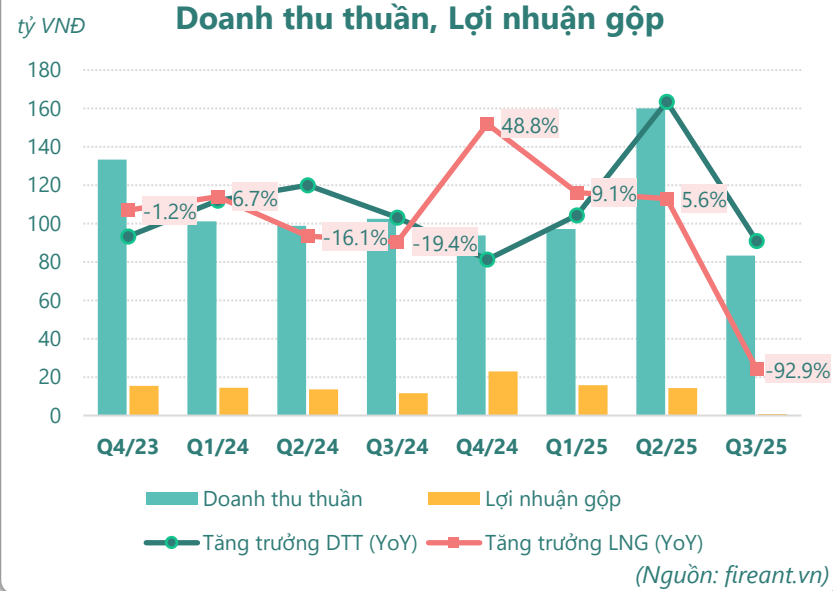
DT thuần 9T 2025
340
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.0 12.5%

LN thuần 9T 2025
12.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.2 -44.9%

LN sau thuế 9T 2025
10.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.2 -50.0%



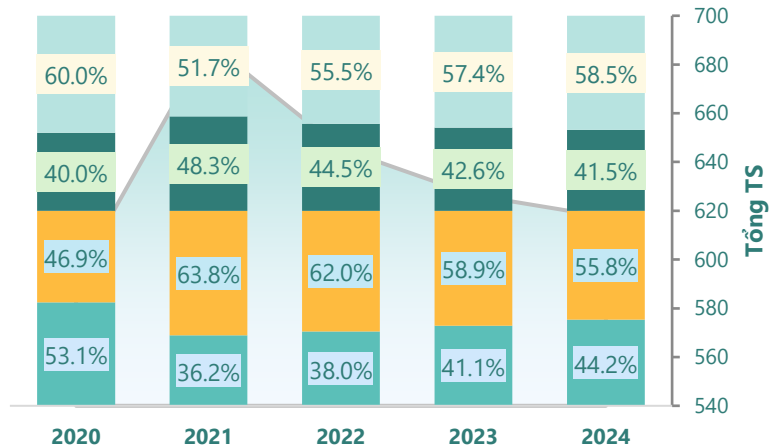
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

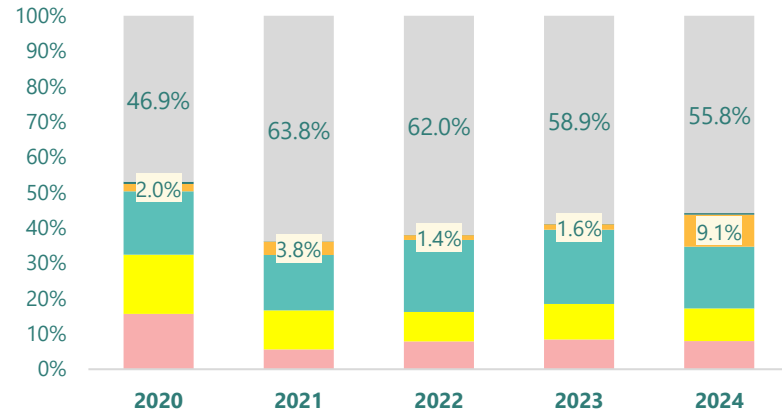
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

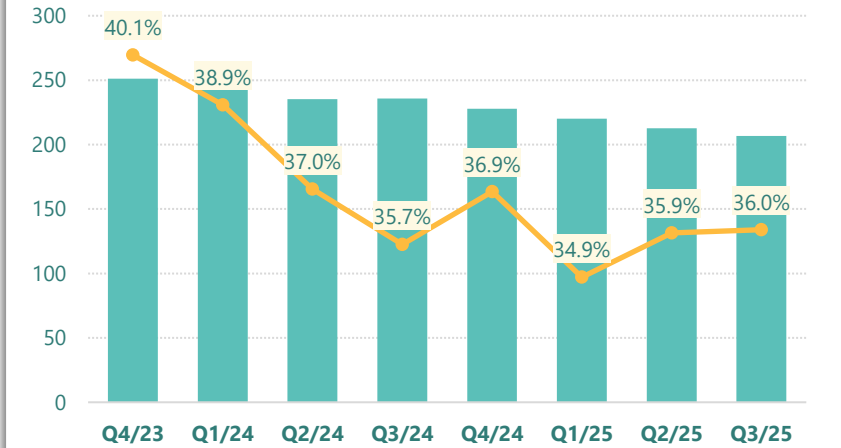
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

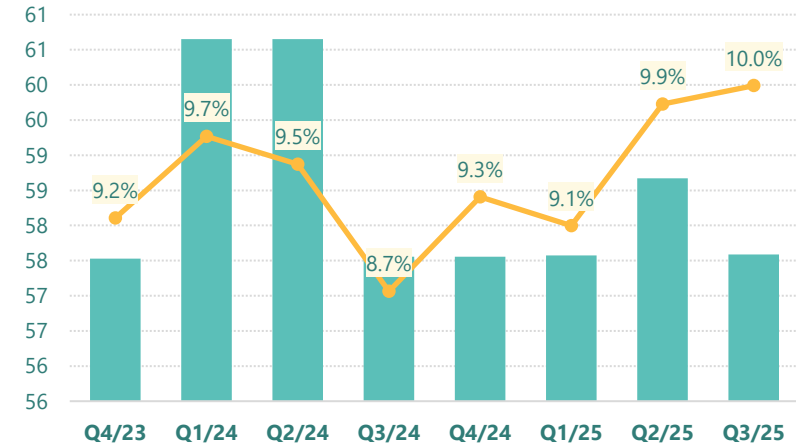
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

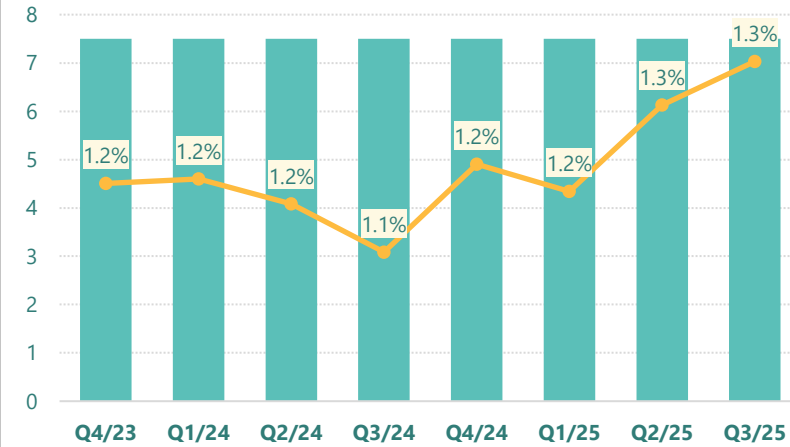
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

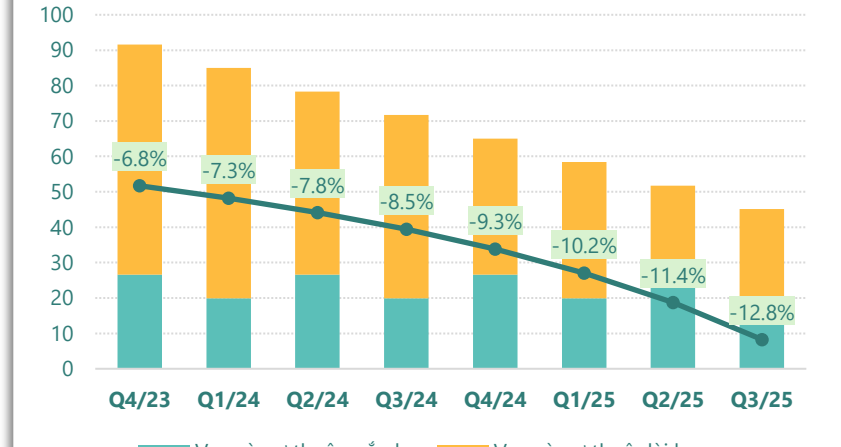
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

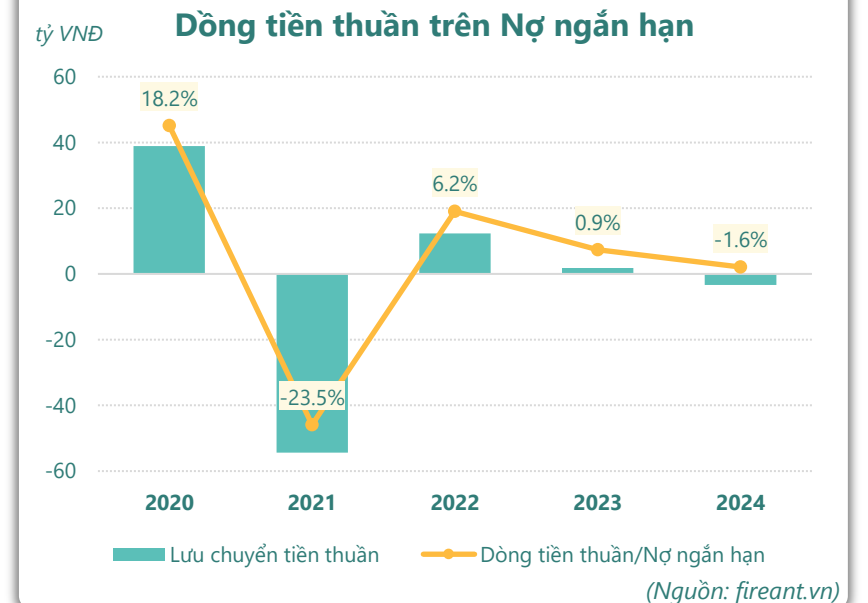
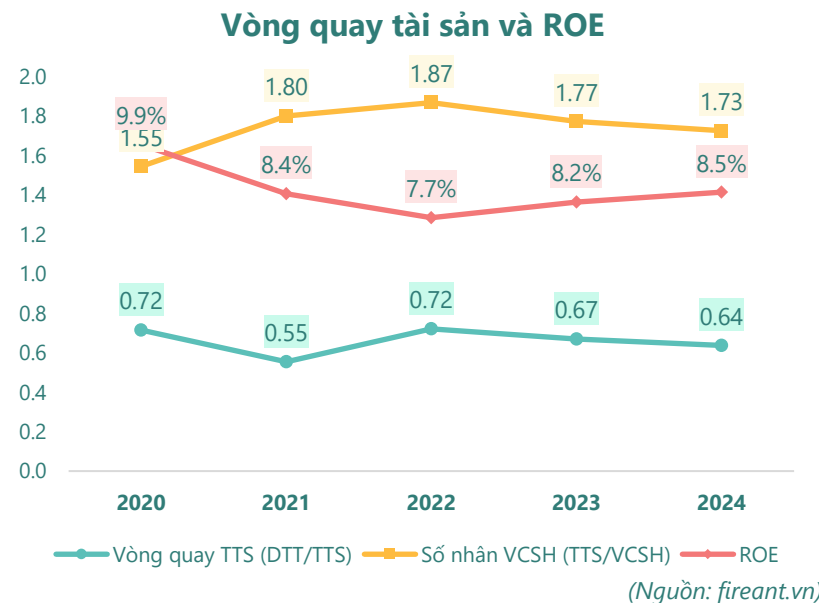
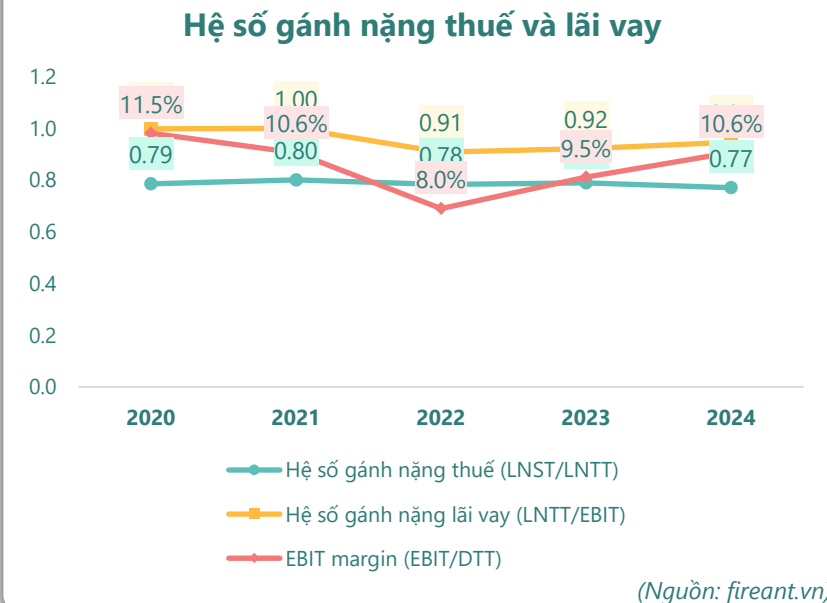
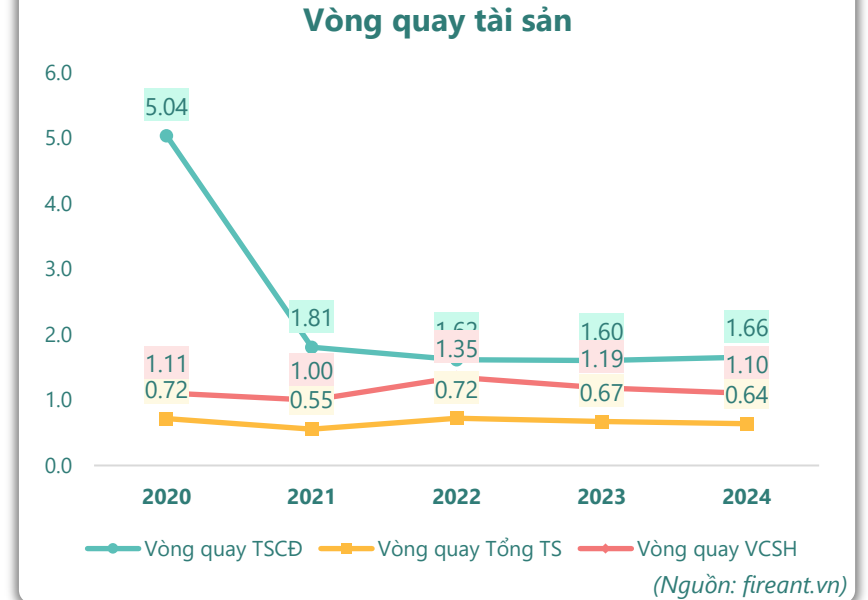
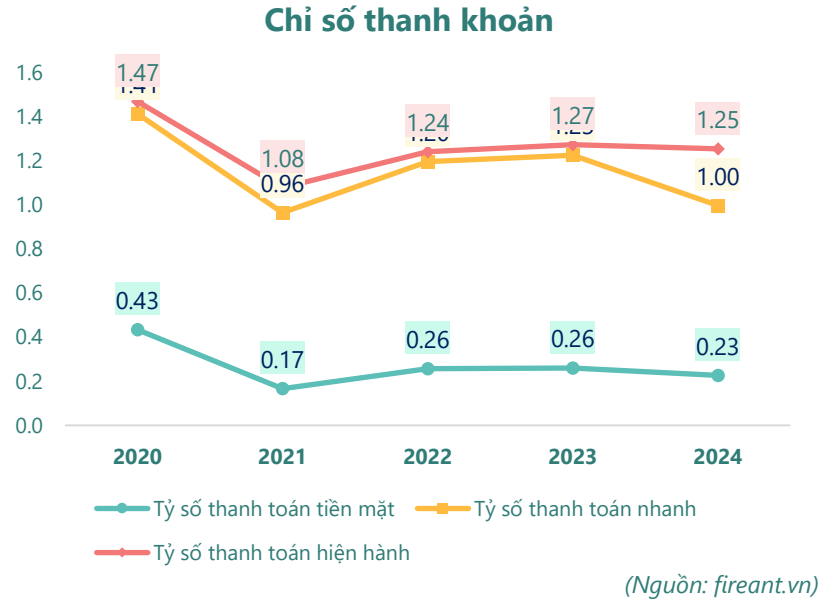
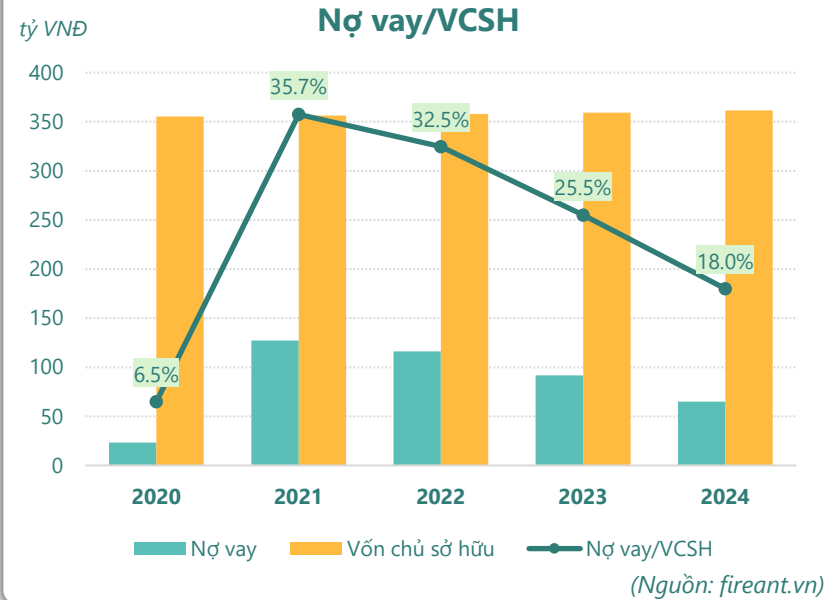
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	83.3	103	-19.2%	340	303	12.5%
Giá vốn hàng bán	82.4	90.9	-9.3%	309	263	17.7%
Lợi nhuận gộp	0.83	11.6	-92.9%	30.9	39.7	-22.0%
Doanh thu HĐTC	3.12	2.05	52.0%	4.60	4.21	9.0%
Chi phí TC	0.38	0.57	-34.1%	1.26	1.74	-27.5%
Chi phí lãi vay	0.38	0.57	-34.1%	1.26	1.74	-27.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	7.35	6.19	18.8%	21.7	19.3	12.3%
LN thuần từ HĐKD	-3.78	6.93	-155%	12.6	22.8	-44.9%
Lợi nhuận khác	0.02	1.27	-98.5%	-0.55	3.59	-115%
LN trước thuế	-3.77	8.20	-146%	12.0	26.4	-54.5%
Lợi nhuận sau thuế	-1.87	6.30	-130%	10.1	20.3	-50.0%
LNST của CĐ cty mẹ	-1.87	6.30	-130%	10.1	20.3	-50.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.00	-0.75	36.4	-23.2	124	-48.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.8	19.3	9.68	3.65	0.78	-3.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.65	-6.65	-30.6	-6.65	-6.65	-6.65
Tiền đầu kỳ	11.7	21.9	33.8	49.2	23.0	141
Lưu chuyển tiền thuần	10.1	11.9	15.4	-26.2	118	-59.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.9	33.8	49.2	23.0	141	82.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	574	618	-7.1%
Tài sản ngắn hạn	251	273	-8.1%
Tiền và tương đương tiền	82.0	49.2	66.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.0	57.0	-8.8%
Phải thu ngắn hạn	92.7	108	-14.1%
Hàng tồn kho	19.6	56.0	-65.1%
Tài sản ngắn hạn khác	4.60	2.76	66.6%
Tài sản dài hạn	323	345	-6.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	207	228	-9.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	57.6	57.6	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	7.50	7.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	51.0	51.7	-1.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	207	256	-19.3%
Nợ ngắn hạn	181	218	-16.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.9	26.6	-25.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.1	44.9	-35.0%
Nợ dài hạn	25.2	38.5	-34.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	25.2	38.5	-34.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	367	362	1.5%
Vốn chủ sở hữu	367	362	1.5%
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

